

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 3 – 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Sinh

Bà Hoàng Thị Thu Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2026/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Dương Thị B, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã T, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện tại: Số A, khu B, quận B, thành phố Đ, Đà Loan. Căn cước công dân số: 03018800XXXX; cấp ngày: 14/8/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Số hộ chiếu: C4772760 cấp ngày 14/3/2018, Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Người được chị B ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà A, phố N, tổ dân phố T, phường C, thành phố Hải Phòng. Căn cước công dân số: 03008500XXXX; cấp ngày: 15/01/2024; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Bị đơn:** Anh Đinh Ngọc H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, thành phố Hải Phòng. Căn cước công dân số: 03008401XXXX; cấp ngày: 06/3/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Văn N, sinh năm 1950; Căn cước công dân số: 03005001XXXX; cấp ngày: 10/8/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1954; Căn cước công dân số: 03015400XXXX; cấp ngày: 10/8/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị B trình bày:*

Chị và anh Đinh Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/09/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh H đều đi làm công nhân thu nhập thấp, vợ chồng lại phải nuôi 03 con nhỏ nên kinh tế gia đình rất khó khăn, việc nuôi con, chăm sóc con đều phải nhờ vào sự giúp đỡ của ông bà hai bên nội ngoại. Do khó khăn về kinh tế cũng như quan điểm sống không hợp nhau nên giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh H mỗi lần uống rượu là lại chửi bới, xúc phạm chị. Chị đã nhiều lần bàn bạc với anh H để chị đi nước ngoài lao động nhưng anh H không đồng ý, tuy nhiên do gánh nặng tài chính trong gia đình nên khoảng năm 2022 chị vẫn quyết tâm sang Đài Loan lao động. Thời gian đầu chị còn gọi điện nói chuyện với anh H nhưng mỗi lần gọi điện nói chuyện thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau vì vậy chị không gọi điện cho anh H nữa mà chỉ gọi cho con để hỏi han việc gia đình. Chị đi Đài Loan từ năm 2022 chưa về nước lần nào, vợ chồng sống xa nhau nhiều năm nên những bất đồng về quan điểm sống, cũng như mâu thuẫn về tình cảm cũng không có cách nào hòa giải được. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị và anh H không thể chung sống cùng nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Đinh Thị Ngọc T, sinh 15/8/2012; Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Đinh Thị Kim N1, sinh ngày 02/04/2021. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung và

không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp nếu anh H cũng muốn được nuôi con chung thì chị đồng ý để anh H nuôi cháu T và cháu Á, chị nuôi cháu N1 vì hiện nay cháu N1 đang sinh sống ổn định cùng ông bà ngoại. Trường hợp anh H có yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung thì chị cũng đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Do hiện nay chị B không có mặt tại Việt Nam, nên trường hợp được Tòa án giao trực tiếp nuôi con, chị sẽ ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị L1, cùng địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường L, thành phố Hải Phòng, thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trong thời gian chị lao động tại Đài Loan không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị và anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B ủy quyền cho anh Đặng Thái L thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

** Bị đơn anh Đinh Ngọc H trình bày:*

Anh và chị Dương Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng). Hôn lễ của anh chị được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng về nhà anh cùng chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến năm 2021 hai vợ chồng sinh con thứ 03, do điều kiện kinh tế khó khăn, chị B đã có ý định đi lao động ở nước ngoài từ năm 2018. Đến tháng 7/2022 chị B tự ý sang Đài Loan mà không cho anh biết. Sau khi sang Đài Loan, chị B có gọi về cho con gái lớn nhà anh báo là đã sang Đài Loan, đến Tết năm 2023 có gọi điện về cho con gái lớn nói chuyện với cả gia đình chứ chị không gọi vào máy anh bao giờ. Từ Tết năm 2024 đến nay chị B cũng không gọi điện về cho anh nữa, những lần chị B gọi về cho con thì anh có nói với chị là về làm ở nhà để chăm con thì chị B không đồng ý. Nay chị B làm đơn xin ly hôn anh, anh nhận thấy bản thân cũng có lỗi vì khi uống rượu vào thì có mắng chị B. Do anh đi làm cơ khí nên thu nhập cũng không cao, mỗi tháng anh chỉ đưa chị B được 05 triệu đồng. Chị B xin ly hôn thì quan điểm của anh là không đồng ý vì nếu anh chị ly hôn thì các con sẽ khổ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đinh Thị Ngọc T, sinh 15/8/2012; Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Đinh Thị Kim N1, sinh ngày 02/04/2021. Hiện tại cháu T và cháu Á đang ở cùng anh, còn cháu N1 đang ở cùng ông bà ngoại. Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi cháu T và cháu Á, giao cho chị B nuôi cháu N1. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con

chung với nhau, chị B cho con thế nào thì tùy chị. Thi thoảng chị B có gửi tiền về cho chị dâu anh đóng học cho hai cháu T và Á.

Anh H trình bày về việc Tòa án có yêu cầu anh đưa 2 cháu T và cháu Á đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm của các cháu về việc bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thì hai cháu không đồng ý đến Tòa án làm việc, không trả lời và cũng không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, anh H đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn N, bà Nguyễn Thị L1 trình bày:*

Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Dương Thị B, anh Đinh Ngọc H là chồng của chị B tức là con rể của ông bà. Chị B kết hôn với anh H vào ngày 26/09/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống giữa chị B và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông bà được biết mâu thuẫn giữa chị B và anh H chủ yếu là do anh H rượu chè, không chịu làm ăn và thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị H. Năm 2022 chị B đi lao động tại Đài Loan và chưa về nước lần nào, đến nay chị B có đơn xin ly hôn anh H thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị B và anh H có 03 con chung là Đinh Thị Ngọc T, sinh ngày 15/8/2012; Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Đinh Thị Kim N1, sinh ngày 02/04/2021. Hiện nay cháu Ngọc T và cháu Ngọc Á đang ở với anh H; cháu Kim N1 đang ở cùng với ông bà. Chị B có quan điểm muốn được nuôi con chung và ủy quyền cho ông bà thay mặt chị B nuôi con trong thời gian chị B lao động ở Đài Loan thì ông bà cũng đồng ý nhận ủy quyền của chị B vì cháu Kim N1 đã ở với ông bà ổn định từ nhỏ, cháu ở với ông bà phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Nếu được thay chị B nuôi cháu N1 thì ông bà không yêu cầu chị B phải gửi tiền nuôi con cho ông bà mà để chị B tự nguyện.

** Người được chị B ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng anh Đặng Thái L trình bày:* Anh đồng ý nhận ủy quyền của chị B về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, anh đã thông báo cho chị B biết, chị B vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị B, anh H đăng ký kết hôn thể hiện: Anh H và chị B đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh chị kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương cũ. Quá trình chung sống, địa phương không nắm được cụ thể mâu thuẫn giữa anh chị, chỉ biết chị B đi lao động ở Đài Loan từ năm 2022 đến nay. Nay chị B xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh chị có 03 con chung, hiện nay 02 cháu lớn đang ở cùng anh H, cháu nhỏ ở cùng ông bà ngoại, khi anh chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và các cháu để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, địa phương không nắm được.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị B. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị B ly hôn anh Đinh Ngọc H. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đinh Thị Ngọc T, sinh 15/8/2012 và Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 cho anh Đinh Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Giao con chung là Đinh Thị Kim N1, sinh ngày 02/04/2021 cho chị Dương Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Tạm giao cháu Đinh Thị Kim N1 cho ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị L1 (là ông bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị B trở về Việt Nam. Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Thị B khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Đinh Ngọc H. Bị đơn anh Đinh Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn G, xã T, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa chị B, anh H, ông N, bà L1 đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị B và anh Đinh Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 26/9/2011 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án xác định: Chị B và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ áp lực kinh tế và bất đồng quan điểm sống kéo dài, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Chị B xuất cảnh đi lao động tại Đài Loan từ năm 2022 và đến nay chưa về Việt Nam. Trong thời gian vợ chồng sống xa nhau, hai bên hầu như không liên lạc, trao đổi, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để vun đắp nên ngày càng rạn nứt, những bất đồng về quan điểm sống cũng như mâu thuẫn về tình cảm không có cách nào hòa giải được. Việc hai bên không có bất kỳ biện pháp tích cực nào để khắc phục hay hàn gắn tình cảm, cũng không thể chia sẻ để thấu hiểu nhau, là minh chứng cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Anh H trình bày không đồng ý ly hôn với chị B. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh H đã trầm trọng, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Dương Thị B ly hôn anh Đinh Ngọc H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị B và anh H có 03 con chung là Đinh Thị Ngọc T, sinh 15/8/2012; Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Đinh Thị Kim N1, sinh ngày 02/04/2021. Khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp

nuôi dưỡng cả 03 con chung; trường hợp anh H cũng có yêu cầu nuôi con thì chị đồng ý để anh H nuôi cháu T và cháu Á, chị nuôi cháu N1. Anh H xác định nếu ly hôn thì có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu T và cháu Á, đồng ý giao cháu N1 cho chị B nuôi dưỡng. Như vậy, chị B và anh H có quan điểm thống nhất về việc nuôi dưỡng con chung.

Hiện tại, cháu N1 đang ở cùng ông bà ngoại; cháu T và cháu Á đang ở cùng anh H. Các cháu đã sinh sống ổn định trong thời gian dài, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, đã quen với môi trường sống hiện tại. Mặc dù chị B hiện đang ở nước ngoài, nhưng đã ủy quyền cho ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị L1 (là ông bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1; đồng thời ông bà cũng đồng ý và cam kết hỗ trợ tích cực trong việc chăm sóc, giáo dục cháu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các con chung trên 07 tuổi (cháu T và cháu Á) không trình bày nguyện vọng cụ thể về người trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng xét thấy sự thỏa thuận của cha mẹ là tự nguyện và dựa trên thực tế cư trú ổn định của các cháu từ trước đến nay. Để đảm bảo sự ổn định về tâm lý, tạo điều kiện cho các cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, tránh những xáo trộn không cần thiết trong cuộc sống, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T, cháu Á cho anh H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu N1 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Xét chị B và anh H đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do hiện tại chị B đang ở nước ngoài, nên tạm giao cháu Đinh Thị Kim N1 cho ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị L1 (là ông bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị B trở về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị B ly hôn anh Đinh Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đinh Thị Ngọc T, sinh ngày 15/8/2012 và Đinh Thị Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 cho anh Đinh Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Giao con chung là Đinh Thị Kim N1, sinh ngày 02/04/2021 cho chị Dương Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Chị B và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Tạm giao cháu Đinh Thị Kim N1 cho ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị L1 (là ông bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị B trở về Việt Nam.

Chị B và anh H đều được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0001040 ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Dương Thị B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H, ông N, bà L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; Chị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND xã T, TP. Hải Phòng (Đk số: 58 ngày 26/9/2011);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh